



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG ĐO LƯỜNG DUNG TÍCH LƯU LƯỢNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 1 (QUATEST 1)
VOLUME AND FLOW LABORATORY
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8, Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

ĐO LƯỜNG – HIỆU CHUẨN

Measurement - Calibration

Mã số

Accreditation No

VILAS 216

KT. GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐẶNG QUỐC QUÂN

Ngày/ Date of Issue: 20/05/2022 (Annex of decision: 473.2022/QĐ-VPCNCL date 20/05/2022)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 28/11/2024

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 28/11/2012

Số: 473.2022/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG ĐO LƯỜNG DUNG TÍCH LƯU LƯỢNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép hiệu chuẩn kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 216**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 28 tháng 11 năm 2024 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐẶNG QUỐC QUÂN



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo Quyết định số: 473.2022/QĐ - VPCNCL ngày 20 tháng 05 năm 2022
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1**
Phòng Đo lường Dung tích lưu lượng

Laboratory: **Quality Assurance And Testing Center No. 1**
Volume and Flow laboratory

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Organization: **Directorate for Standard Metrology and Quality**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Đo lường – Hiệu chuẩn**

Field of testing: **Measurement – Calibration**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Chu Mạnh Quang**

Người có thẩm quyền ký/
Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Kim Đức Thọ	Các phép hiệu chuẩn được công nhận/ <i>All accredited calibrations</i>
2.	Nguyễn Tuấn Hải	
3.	Nguyễn Ngọc Châm	
4.	Chu Mạnh Quang	Các phép hiệu chuẩn được công nhận của Phòng Đo lường Dung tích Lưu lượng/ <i>All accredited calibrations of Volume and Flow Laboratory</i>

Số hiệu/ Code: **VILAS 216**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **28/11/2024**

Địa chỉ/ Address: **Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội**

Địa điểm/ Location: **Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **024 38361399**

Fax: **024 38361399**

E-mail: **qm@quatest1.com.vn**

Website: **www.quatest1.com.vn**



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED CALIBRATION
VILAS 216

Lĩnh vực hiệu chuẩn:

Field of calibration:

TT	Tên đại lượng hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measured quantities/ Equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹/</i>
1.	Bể đong cố định hình trụ ngang (x) <i>Horizontal cylinder tanks</i>	Đến/ <i>Up to</i> 100 m ³	ĐLVN 29-1:2004	0,5 %
2.	Bể đong cố định hình trụ đứng (x) <i>Vertical cylinder tanks</i>	Trên/ <i>Over</i> 100 m ³	ĐLVN 130:2004	0,5 %

Chú thích/ Note:

- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam/ Vietnam technical measurement documents

- (x): Phép hiệu chuẩn thực hiện tại hiện trường/ Mark (x) for on-site calibrations

1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*

